TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 10 – AN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **148**/2026/DS-ST
Ngày 09 tháng 6 năm 2026
V/v: "*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 10 - AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Dương Thị Bé Thi.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Ngọc Huy và ông Võ La Cường.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Huỳnh Hoa Lý – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 10 - An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 - An Giang tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lam Em - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 6 năm 2026 tại sở Tòa án nhân dân khu vực 10 - An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 160/2025/TLST-DS ngày 14 tháng 10 năm 2025 về việc *"Tranh chấp hợp đồng tín dụng"* theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 473/2026/QĐXXST-DS ngày 07 tháng 5 năm 2026, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: **Ngân hàng TMCP V**;

Địa chỉ trụ sở: Số D, đường T, phường P, thành phố Cần Thơ.

Đại diện theo pháp luật: Ông Dương Nhất N – Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Ngọc T – Chức vụ: Phó Giám đốc Trung tâm xử lý nợ.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Ngọc T:

- Ông Nguyễn Văn L - Chức vụ: Chuyên viên KHDN- V1 (có đơn xin vắng mặt);

- Ông Đỗ Hồng T1 - Chức vụ: Chuyên viên xử lý nợ – Trung tâm xử lý nợ V1 (có đơn xin vắng mặt).

(Văn bản ủy quyền số 388/2026/GUQ-VB ngày 17/4/2026).

Bị đơn:

- Bà **Lê Thị Bích C**, sinh năm 1989 (vắng mặt);

Căn cước công dân số: 092189006225

Địa chỉ: Ấp H, xã P, tỉnh An Giang.

- Ông **Võ Văn R**, sinh năm 1989 (vắng mặt);

Căn cước công dân số: 089089015889

Địa chỉ: Ấp H, xã P, tỉnh An Giang.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1/ Bà **Võ Thị T2**, sinh năm 1968 (có đơn xin vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp T, xã T, tỉnh An Giang.

2/ Bà **Niêng S**, sinh năm 1965 (có đơn xin vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp T, xã T, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:***

** Tại đơn khởi kiện, tờ tự khai, trong quá trình giải quyết vụ án – người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:*

Bà Lê Thị Bích C và ông Võ Văn R có ký kết hợp đồng tín dụng với Ngân hàng TMCP V (Viết tắt là Ngân hàng), cụ thể như sau:

- Ngày 03/11/2023, bà Lê Thị Bích C và ông Võ Văn R có ký kết hợp đồng tín dụng số: ANG.TDCN.01.021123 để vay số tiền là 5.500.000.000 đồng (Năm tỷ năm trăm triệu đồng); mục đích vay là thanh toán tiền mua bất động sản; thời hạn vay là 240 tháng; lãi suất vay 8,5%/năm tại thời điểm vay; lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn; phương thức trả nợ là trả gốc đều hàng tháng, lãi trả hàng tháng theo dư nợ thực tế. Cùng ngày 03/11/2023, Ngân hàng đã giải ngân cho bà C, ông R nhận đủ số tiền 5.500.000.000 đồng.

- Ngày 14/6/2024, bà Lê Thị Bích C và ông Võ Văn R có ký kết hợp đồng tín dụng số: CANG.CN.36120624 để vay số tiền 750.000.000 đồng (Bảy trăm năm mươi triệu đồng); mục đích vay là bổ sung vốn nuôi cá ; thời hạn vay là 06 tháng; lãi suất vay cố định là 8,5%/năm; lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn; phương thức trả nợ là trả gốc đều hàng tháng, lãi trả hàng tháng theo dư nợ thực tế. Cùng ngày 14/6/2024, Ngân hàng đã giải ngân cho bà C, ông R nhận đủ số tiền 750.000.000 đồng.

Tổng cộng Ngân hàng đã giải ngân cho bà C, ông R vay số tiền 6.250.000.000 đồng.

Để đảm bảo cho khoản vay tại Ngân hàng TMCP V, vợ chồng bà C, ông R đã ký kết hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất, cụ thể như sau:

- Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số CANG.HĐTC.21081123 ngày 09/11/2023, tài sản thế chấp gồm có:

+ Thửa đất số 4, diện tích 1.631 m^2, tờ bản đồ số 33 theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số vào sổ cấp giấy chứng nhận CS04290 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh A cấp ngày 07/12/2022, chỉnh lý ngày 06/11/2023 cấp cho bà Lê Thị Bích C.

+ Thửa đất số 5, diện tích 3.372 m^2, tờ bản đồ số 33 theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số vào sổ cấp giấy chứng nhận CS03944 do Sở Tài nguyên và Môi trường cấp ngày 07/4/2022, chỉnh lý ngày 06/11/2023 cấp cho bà Lê Thị Bích C.

+ Thửa đất số 6, diện tích 1.693 m^2, tờ bản đồ số 33 theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số vào sổ cấp giấy chứng nhận CS04006 do Sở Tài nguyên và Môi trường cấp ngày 25/5/2022, chỉnh lý ngày 06/11/2023 cấp cho bà Lê Thị Bích C.

+ Thửa đất số 110, diện tích 622 m^2, tờ bản đồ số 33 theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số vào sổ cấp giấy chứng nhận CH03220 do UBND huyện T, tỉnh An Giang (nay là xã T, tỉnh An Giang) cấp ngày 07/5/2019, chỉnh lý ngày 06/11/2023 cấp cho bà Lê Thị Bích C.

+ Thửa đất số 112, diện tích 839 m^2, tờ bản đồ số 33 theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số vào sổ cấp giấy chứng nhận CH03221 do UBND huyện T, tỉnh An Giang (nay là xã T, tỉnh An Giang) cấp ngày 07/5/2019, chỉnh lý ngày 06/11/2023 cấp cho bà Lê Thị Bích C.

+ Thửa đất số 113, diện tích 600 m^2, tờ bản đồ số 33 theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số vào sổ cấp giấy chứng nhận CH03222 do UBND huyện T, tỉnh An Giang (nay là xã T, tỉnh An Giang) cấp ngày 07/5/2019, chỉnh lý ngày 06/11/2023 cấp cho bà Lê Thị Bích C.

- Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số CANG.HĐTC.36120624 ngày 14/6/2024, tài sản thế chấp gồm có:

+ Thửa đất số 3, diện tích 2.080 m^2, tờ bản đồ số 33 theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số vào sổ cấp giấy chứng nhận CH04542 do UBND huyện T, tỉnh An Giang (nay là xã T, tỉnh An Giang) cấp ngày 20/11/2023, chỉnh lý ngày 30/5/2024 cấp cho bà Lê Thị Bích C.

Tất cả các thửa đất trên tọa lạc tại ấp T, xã N, huyện T, tỉnh An Giang (nay là ấp T, xã T, tỉnh An Giang).

Trong quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng, bà C, ông R đã trả được cho Ngân hàng số tiền vay gốc là 206.253.000 đồng, lãi trong hạn là 367.724.231 đồng, lãi quá hạn là 378.915 đồng, lãi chậm trả lãi là 1.631.870 đồng; sau đó thì bà C, ông R không tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng nữa.

Tính đến ngày 09/6/2026, bà C, ông R còn nợ Ngân hàng số tiền vay gốc là 6.043.747.000 đồng, lãi trong hạn là 1.221.458.307 đồng, lãi quá hạn là 195.254.702 đồng, lãi chậm trả lãi là 108.584.438 đồng.

Nay Ngân hàng khởi kiện yêu cầu bà C, ông R trả số tiền tính đến ngày 09/6/2026 tổng cộng là 7.569.044.447 đồng và kể từ ngày 10/6/2026 tiếp tục trả lãi quá hạn theo hợp đồng tín dụng đã ký kết ngày 03/11/2023, ngày 14/6/2024 cho đến khi thanh toán xong các khoản nợ; trường hợp bà C, ông R không thực hiện nghĩa vụ trả nợ, Ngân hàng yêu cầu xử lý tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất ngày 09/11/2023 và hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất ngày 14/6/2024 để thu hồi nợ; trường hợp tài sản phát mãi không đủ thanh toán hết các khoản nợ thì bà C, ông R còn phải có nghĩa vụ tiếp tục trả nợ đối với các khoản vay trên.

**** Đối với bị đơn bà Lê Thị Bích C, ông Võ Văn R:***

Trong quá trình tố tụng bà C, ông R vắng mặt, Tòa án nhân dân khu vực 10 – An Giang đã tống đạt các văn bản tố tụng hợp lệ, đồng thời triệu tập bà C, ông R tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Bà C, ông R đã biết về việc khởi kiện của Ngân hàng nhưng ông, bà vẫn vắng mặt không có lý do và cũng không nộp cho Tòa án văn bản trình bày ý kiến, không có yêu cầu phản tố đối với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng.

**** Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Võ Thị T2***:

Tại biên bản lấy lời khai của đương sự ngày 05/3/2026, bà Võ Thị T2 khai: Bà có thuê của bà C, ông R các thửa đất số 3, diện tích 2.080 m^2, thửa đất số 5, diện tích 3.372 m^2, thửa đất số 6, diện tích 1.693 m^2; cùng tờ bản đồ số 33; tất cả các thửa đất trên tọa lạc tại ấp T, xã N, huyện T, tỉnh An Giang (nay là ấp T, xã T, tỉnh An Giang) để canh tác trồng lúa. Do có mối quan hệ quen biết nên hai bên chỉ thỏa thuận miệng chứ không làm hợp đồng thuê, thời hạn thuê là 03 năm kể từ năm 2025 đến năm 2027, giá thuê 20.000.000 đồng/năm đối với 3 thửa đất trên; phương thức thanh toán là trả tiền thuê theo từng năm, hiện bà đã thanh toán tiền thuê đất năm 2025, hai năm còn lại bà chưa thanh toán. Nay Ngân hàng TMCP V khởi kiện bà Lê Thị Bích C, ông Võ Văn R liên quan đến tài sản thế chấp là 03 thửa đất trên bà đang thuê thì bà không có ý kiến và cũng không tranh chấp gì.

* ***Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Néang S1***:

Tại biên bản lấy lời khai của đương sự ngày 05/3/2026, bà Néang S1 khai: Hiện nay bà đang canh tác trồng lúa đối với thửa đất số 4, diện tích 1.631 m2, tờ bản đồ số 33 theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số vào sổ cấp giấy chứng nhận CS04290 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh A cấp ngày 07/12/2022, chỉnh lý ngày 06/11/2023 cấp cho bà Lê Thị Bích C. Do phần đất này trước đây bà chuyển nhượng cho ông Lư Minh S2 (sau đó ông S2 chuyển nhượng cho nhiều người, trong đó có bà C, ông R) nhưng đến nay ông S2 vẫn chưa thanh toán hết tiền nhận chuyển nhượng đất cho bà nên bà vẫn tiếp tục canh tác đất trên từ trước đến nay. Nay đối với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng có liên quan đến tài sản thế chấp là thửa đất số 04 nêu trên thì bà không có ý kiến gì, vì bà đang khởi kiện ông S2 để yêu cầu trả tiền nhận chuyển nhượng đất còn nợ.

Tại phiên tòa,

Ông Đỗ Hồng T1, ông Nguyễn Văn L là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có đơn xin vắng mặt; bị đơn bà Lê Thị Bích C, ông Võ Văn R vắng mặt không có lý do; bà Võ Thị T2, bà Néang S1 có đơn yêu cầu vắng mặt.

* **Ý kiến của Kiểm sát viên tham dự phiên tòa**:

- Về tố tụng, trong giai đoạn chuẩn bị xét xử Thẩm phán, Thư ký chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm.

- Về nội dung, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc bà C, ông R phải có trách nhiệm trả cho Ngân hàng TMCP V số tiền tính đến ngày 09/6/2026 tổng cộng là 7.569.044.447 đồng; trong đó, nợ gốc là 6.043.747.000 đồng, lãi trong hạn là 1.221.458.307 đồng, lãi quá hạn là 195.254.702 đồng, lãi chậm trả lãi là 108.584.438 đồng và tiếp tục trả lãi quá hạn theo hợp đồng tín dụng đã ký kết kể từ ngày 10/6/2026 cho đến khi thanh toán xong các khoản nợ; trường hợp bà C, ông R không thực hiện nghĩa vụ trả nợ, Ngân hàng được quyền yêu cầu xử lý tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp đã ký kết để thu hồi nợ; trường hợp tài sản phát mãi không đủ thanh toán hết các khoản nợ thì bà C, ông R còn phải có nghĩa vụ tiếp tục trả nợ đối với các khoản vay trên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xem xét, đề nghị của Kiểm sát viên; Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn thanh toán các khoản nợ tín dụng. Do đó, quan hệ pháp luật trong vụ án là "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Bà Lê Thị Bích C, ông Võ Văn R với tư cách là bị đơn của vụ án có địa chỉ thường trú tại ấp H, xã P, tỉnh An Giang nên căn cứ theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 10 - An Giang.

[1.2] Về sự vắng mặt của đương sự: Bị đơn bà Lê Thị Bích C, ông Võ Văn R đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến phiên toà xét xử lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do; ông Đỗ Hồng T1, ông Nguyễn Văn L, bà Võ Thị T2, bà Néang S1 có đơn yêu cầu vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn; bị đơn; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Xét Hợp đồng tín dụng số: ANG.TDCN.01.021123 ngày 03/11//2023 và hợp đồng tín dụng số: CANG.CN.36120624 ngày 14/6/2024: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ vụ án do nguyên đơn cung cấp, cho thấy, vào ngày 03/11/2023 và ngày 14/6/2024, bà C, ông R đã ký kết hợp đồng tín dụng, giấy nhận nợ với Ngân hàng TMCP V để vay số tiền là 5.500.000.000 đồng và 750.000.000 đồng. Quá trình thực hiện hợp đồng, đối với khoản vay gốc 5.500.000.000 đồng phía bà C, ông R có trả được số tiền vay gốc là 206.253.000 đồng, lãi trong hạn là 367.724.231 đồng, lãi quá hạn là 378.915 đồng, lãi chậm trả lãi là 1.631.870 đồng; đối với khoản vay 750.000.000 đồng thì bà C, ông R không trả được khoản tiền gốc, lãi nào cho Ngân hàng nên Ngân hàng khởi kiện yêu cầu bà C, ông R phải tiếp tục liên đới thực hiện nghĩa vụ thanh toán hết số nợ gốc và lãi theo hợp đồng tín dụng tính đến ngày 09/6/2026 tổng cộng là 7.569.044.447 đồng; trong đó, nợ gốc là 6.043.747.000 đồng, lãi trong hạn là 1.221.458.307 đồng, lãi quá hạn là 195.254.702 đồng, lãi chậm trả lãi là 108.584.438 đồng. Xét thấy, hợp đồng tín dụng số ANG.TDCN.01.021123 ngày 03/11//2023 và hợp đồng tín dụng số: CANG.CN.36120624 ngày 14/6/2024 do vợ chồng bà C, ông R với đại diện của Ngân hàng ký kết là có thật, hoàn toàn tự nguyện và phù hợp với quy định tại Điều 463 của Bộ luật Dân sự 2015 về nội dung của hợp đồng vay tài sản nên hợp đồng có giá trị và hợp pháp. Tuy nhiên, do phía bà C, ông R không thực hiện đúng các thỏa thuận theo hợp đồng đã ký kết nên Ngân hàng khởi kiện yêu cầu bà

C, ông R phải thanh toán nợ gốc, nợ lãi và tiếp tục trả lãi phát sinh theo hợp đồng đã ký kết, kể từ ngày 10/6/2026 cho đến khi thanh toán hết các khoản nợ là phù hợp với quy định tại Điều 466, Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015 và các Điều 91, 95 của Luật Các tổ chức tín dụng nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.2] Xét hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số CANG.HĐTC.21081123 ngày 09/11/2023 và hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số CANG.HĐTC.36120624 ngày 14/6/2024, tài sản thế chấp gồm có: Thửa đất số 4, diện tích 1.631 m2, tờ bản đồ số 33 theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số vào sổ cấp giấy chứng nhận CS04290 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh A cấp ngày 07/12/2022, chỉnh lý ngày 06/11/2023 cấp cho bà Lê Thị Bích C; thửa đất số 5, diện tích 3.372 m2, tờ bản đồ số 33 theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số vào sổ cấp giấy chứng nhận CS03944 do Sở Tài nguyên và Môi trường cấp ngày 07/4/2022, chỉnh lý ngày 06/11/2023 cấp cho bà Lê Thị Bích C; thửa đất số 6, diện tích 1.693 m2, tờ bản đồ số 33 theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số vào sổ cấp giấy chứng nhận CS04006 do Sở Tài nguyên và Môi trường cấp ngày 25/5/2022, chỉnh lý ngày 06/11/2023 cấp cho bà Lê Thị Bích C; thửa đất số 110, diện tích 622 m2, tờ bản đồ số 33 theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số vào sổ cấp giấy chứng nhận CH03220 do UBND huyện T, tỉnh An Giang (nay là xã T, tỉnh An Giang) cấp ngày 07/5/2019, chỉnh lý ngày 06/11/2023 cấp cho bà Lê Thị Bích C; thửa đất số 112, diện tích 839 m2, tờ bản đồ số 33 theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số vào sổ cấp giấy chứng nhận CH03221 do UBND huyện T, tỉnh An Giang (nay là xã T, tỉnh An Giang) cấp ngày 07/5/2019, chỉnh lý ngày 06/11/2023 cấp cho bà Lê Thị Bích C; thửa đất số 113, diện tích 600 m2, tờ bản đồ số 33 theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số vào sổ cấp giấy chứng nhận CH03222 do UBND huyện T, tỉnh An Giang (nay là xã T, tỉnh An Giang) cấp ngày 07/5/2019, chỉnh lý ngày 06/11/2023 cấp cho bà Lê Thị Bích C; thửa đất số 3, diện tích 2.080 m2, tờ bản đồ số 33 theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số vào sổ cấp giấy chứng nhận CH04542 do UBND huyện T, tỉnh An Giang (nay là xã T, tỉnh An Giang) cấp ngày 20/11/2023, chỉnh lý ngày 30/5/2024 cấp cho bà Lê Thị Bích C; tất cả các thửa đất trên tọa lạc tại ấp T, xã N, huyện T, tỉnh An Giang (nay là ấp T, xã T, tỉnh An Giang). Xét thấy, hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số CANG.HĐTC.21081123 ngày 09/11/2023 và hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số CANG.HĐTC.36120624 ngày 14/6/2024 được đăng ký thế chấp tại Văn phòng Đ chi nhánh T3 (nay là Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh Đ - Chi nhánh khu vực liên xã T) và được công chứng tại Văn phòng C1 cùng ngày nên đã đảm bảo

về hình thức của hợp đồng theo quy định tại các Điều 317, 318, 321, 323 Bộ luật Dân sự 2015, hợp đồng thế chấp có hiệu lực pháp luật. Do đó, yêu cầu duy trì hợp đồng thế chấp của Ngân hàng là có cơ sở. Trường hợp bà C, ông R không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng được quyền yêu cầu xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ.

[2.3] Đối với bà Lê Thị Bích C, ông Võ Văn R là bị đơn trong vụ án đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng ông bà không tham gia các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải và phiên tòa xét xử, không gửi cho Tòa án văn bản ghi ý kiến của ông bà, không giao nộp các tài liệu, chứng cứ chứng minh để tự bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của mình nên Hội đồng xét xử căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ để giải quyết vụ án là phù hợp với quy định tại Điều 91 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về chi phí tố tụng: Nguyên đơn đã tạm ứng 5.000.000 đồng chi phí tố tụng. Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu tiền chi phí tố tụng, bị đơn có trách nhiệm trả lại cho nguyên đơn số tiền 5.000.000 đồng.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm tương ứng với nghĩa vụ tài sản phải thực hiện theo quy định của pháp luật.

[5] Xét đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 - An Giang là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238; Điều 271; Điều 273 và Điều 278 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Các Điều 117, 119, 299, 317, 321, 357, 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Các Điều 91, 95 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010 (sửa đổi, bổ sung năm 2017);

- Điểm b khoản 2, khoản 3 và khoản 4 Điều 8; Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

- Điều 27, khoản 2 Điều 37 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí án.

* **Tuyên xử**:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần V (V1).

Buộc bà Lê Thị Bích C, ông Võ Văn R có nghĩa vụ liên đới trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần V (V1) tổng số tiền gốc, lãi tính đến ngày 09/6/2026 là 7.569.044.447 đồng (*Bảy tỷ năm trăm sáu mươi chín triệu không trăm bốn mươi bốn nghìn bốn trăm bốn mươi bảy đồng*); trong đó, nợ gốc là 6.043.747.000 đồng (*Sáu tỷ không trăm bốn mươi ba triệu bảy trăm bốn mươi bảy nghìn đồng*), lãi trong hạn là 1.221.458.307 đồng (*Một tỷ hai trăm hai mươi mốt triệu bốn trăm năm mươi tám nghìn ba trăm lẻ bảy đồng*), lãi quá hạn là 195.254.702 đồng (*Một trăm chín mươi lăm triệu hai trăm năm mươi bốn nghìn bảy trăm lẻ hai đồng*), lãi chậm trả lãi là 108.584.438 đồng (*Một trăm lẻ tám triệu năm trăm tám mươi bốn nghìn bốn trăm ba mươi tám đồng*).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (ngày 10/6/2026), bà Lê Thị Bích C, ông Võ Văn R còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng ngày 03/11/2023, ngày 14/6/2024 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ các khoản nợ.

2. Trường hợp bà Lê Thị Bích C, ông Võ Văn R không thực hiện nghĩa vụ trả nợ, Ngân hàng V được quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án có thẩm quyền phát mãi tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số CANG.HĐTC.21081123 ngày 09/11/2023 và hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số CANG.HĐTC.36120624 ngày 14/6/2024 để thu hồi nợ; trường hợp tài sản phát mãi không đủ thanh toán hết các khoản nợ thì bà Lê Thị Bích C, ông Võ Văn R còn phải có nghĩa vụ tiếp tục trả nợ đối với các khoản nợ trên.

3. Án phí và chi phí tố tụng:

Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Lê Thị Bích C, ông Võ Văn R có nghĩa vụ liên đới chịu số tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 115.569.044 đồng (*Một trăm mười lăm triệu năm trăm sáu mươi chín nghìn không trăm bốn mươi bốn đồng*).

Hoàn trả cho Ngân hàng V số tiền tạm ứng án phí đã nộp 57.312.579 đồng (*Năm mươi bảy triệu ba trăm mười hai nghìn năm trăm bảy mươi chín đồng*) theo

biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004155 ngày 13/10/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh An Giang.

Chi phí tố tụng: Bà Lê Thị Bích C, ông Võ Văn R phải có nghĩa vụ hoàn trả cho Ngân hàng V chi phí tố tụng với số tiền là 5.000.000 đồng (*Năm triệu đồng*).

4. Quyền kháng cáo: Ngân hàng V, bà Lê Thị Bích C, ông Võ Văn R, bà Võ Thị T2, bà Néang S1 được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND khu vực 10 – An Giang;
- Phòng THADS khu vực 10 – An Giang;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Dương Thị Bé Thi